

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN K
TỈNH GIA LAI

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HSST

Ngày: 01/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phan Huy Viễn.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Siu Drênh.

2. Bà Ngô Thị Tuyết Mai.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tình, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2024/HSST, ngày 06 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HS, ngày 18 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Duy B, sinh ngày 10/6/1996 tại huyện N, tỉnh Nghệ An.

Nơi đăng ký HKTT: Buôn Ph, xã I, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Chỗ ở hiện nay: Làng Q, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Nghề nghiệp: Nhân viên bán xăng dầu; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962 (đã chết).

Bị cáo có vợ là Rơ Lan S, sinh năm 1998 và 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2023 hiện đang ở tại: Làng Q, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Xấu.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/10/2023, tạm giam từ ngày 02/11/2023, có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Công ty TNHH MTV xăng dầu D Gia Lai – đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1970 - Giám đốc Công ty; địa chỉ: Làng Q, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai – có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968; Trú tại: Làng Q, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai – có mặt.

2. Chị Ral Lan Sêlin, sinh năm 1998; Trú tại: Làng Q, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai – có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người phiên dịch tiếng J:** Ông Đinh Văn A – cán bộ xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Duy B và vợ là Rah Lan S cùng cư trú tại xã I, thị xã A, tỉnh Gia Lai là nhân viên bán xăng, dầu cho cây xăng N có địa chỉ tại làng Q, xã S, huyện K thuộc Công ty TNHH MTV xăng dầu D Gia Lai theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 5901014744 đăng ký thay đổi lần 3 ngày 05/6/2023 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp do bà Nguyễn Thị Kim O là Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty. Công việc hàng ngày của B và S là bán xăng, dầu cho khách hàng và thu tiền bán xăng dầu, đến 16 giờ hàng ngày thì phải chốt sổ và bàn giao lại toàn bộ số tiền bán xăng cho bà O.

Khoảng 07 giờ ngày 29/10/2023, do có công việc phải đi về tỉnh Quảng Ngãi nên bà O đã giao cho B và S quản lý cây xăng và thu tiền bán xăng, dầu đến khi bà O về sẽ bàn giao lại. Đến khoảng 12 giờ 10 phút ngày 30/10/2023, khi cây xăng vắng người nên B đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền bán xăng, dầu từ 16 giờ ngày 28/10/2023 đến trưa ngày 30/10/2023 để tiêu xài cá nhân, B đã lấy toàn bộ số tiền 70.722.000 đồng và sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 47B2-058.28 đi về thị xã A, tỉnh Gia Lai để trả nợ. Sau khi phát hiện Nguyễn Duy B chiếm đoạt tài sản, gia đình bà O đã trình báo sự việc đến Công an huyện K. Khi B điều khiển xe đến địa phận xã C, huyện K thì bị công an huyện phát hiện và đưa về trụ sở cơ quan điều tra để làm việc. Tại cơ quan điều tra Nguyễn Duy B đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số: 06/CT-VKS, ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Duy B về tội “Tham ô tài sản” theo khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy B phạm tội “Tham ô tài sản”.
- Áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy B từ **03** (ba) năm đến **03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn nêu ý kiến về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí trong vụ án.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì mà chỉ mong muốn Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện K trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý

kiến hoặc khiếu nại gì đối với hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Duy B được xác định theo lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai báo của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa như sau: Bị cáo là nhân viên bán xăng của cây xăng N thuộc Công ty TNHH MTV xăng dầu D Gia Lai do bà Nguyễn Thị Kim O làm Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty có địa chỉ tại làng Q, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai. Nhiệm vụ của B là bơm xăng, dầu và thu tiền của khách sau đó đối chiếu, nộp lại toàn bộ tiền bán xăng dầu trong ngày cho bà O vào khoảng 16h00' hàng ngày. Ngày 29/10/2023 vợ chồng bà O có việc gia đình ở Quảng Ngãi phải về để giải quyết nên giao lại việc quản lý cây xăng cho B, B có trách nhiệm bán xăng dầu, thu tiền mua xăng dầu của khách cho đến khi bà O quay lại thì sẽ bàn giao toàn bộ cho bà O. Đến khoảng 12h00' ngày 30/10/2023, lợi dụng lúc cây xăng vắng người, nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền bán xăng dầu đang quản lý nên B nói vợ là chị Rah Lan S đưa con lên gác ngủ rồi chiếm đoạt toàn bộ số tiền thu được qua việc bán xăng dầu là 70.722.000 đồng và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47B2-058.28 đi về thị xã A, tỉnh Gia Lai để trả nợ. Khi B điều khiển xe đến địa phận xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai thì bị công an huyện phát hiện, bắt giữ. Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và mong muốn Hội đồng xét xử xem xét, khoan hồng.

[3]. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng như các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Duy B đã phạm vào tội: “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Xét về nhân thân, hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn Duy B là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi và nhận thức được hành vi tham ô tài sản của tổ chức, cá nhân được pháp luật bảo vệ là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, chỉ vì muốn có tiền để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã lợi dụng việc được bà Nguyễn Thị Kim O tin tưởng, giao cho quản lý cây xăng và thu tiền bán xăng dầu tại Cây xăng N thuộc Công ty TNHH MTV xăng dầu D Gia Lai để chiếm đoạt của Công ty số tiền 70.722.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của tổ chức được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 07/7/2020 đã bị Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai tuyên phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tuy đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân và chấp hành tốt pháp luật mà lại tiếp tục phạm tội. Chính vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo bằng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo, giáo dục trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều có ý kiến xin Hội đồng xét xử xem

xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong vụ án này, sau khi chiếm đoạt số tiền 70.722.000 đồng, bị cáo Nguyễn Duy B đã sử dụng xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER, màu trắng đen, biển kiểm soát 47B2-058.28 là tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn H (chồng bà Nguyễn Thị Kim O) để đi về thị xã A. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ông H khai sau khi bà O nhận B vào làm việc tại cây xăng N thì ông H đã giao chiếc xe mô tô trên cho B để làm phương tiện đi lại và ông H có hứa nếu vợ chồng B làm việc tốt thì sẽ cho luôn chiếc xe đó để vợ chồng B làm phương tiện đi lại vì chiếc xe cũng đã cũ, giá trị còn lại không bao nhiêu. Ngoài ra, Nguyễn Duy B cũng khai mục đích của B chỉ là chiếm đoạt số tiền 70.722.000 đồng để trả nợ, B không có ý thức chiếm đoạt chiếc xe mô tô nói trên và ông H cũng cho rằng B chỉ sử dụng chiếc xe đó để đi lại chứ không phải B có ý đồ chiếm đoạt chiếc xe do vậy cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K không xử lý hành vi này của B là có căn cứ và phù hợp với diễn biến của vụ việc.

[5]. Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức án đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại số tiền 70.722.000 đồng và xe mô tô biển số 47B2-058.28, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về vật chứng vụ án:

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 túi xách màu đen, chất liệu bằng da, trên bề mặt có in chữ GUCCI xét đã cũ và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với số tiền 70.722.000 đồng gồm 101 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, 75 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, 135 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 116 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 75 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 05 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K trả lại cho bị hại; đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER, màu trắng đen, biển kiểm soát 47B2-058.28 là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K trả lại chiếc xe cho ông H. Việc xử lý của cơ quan điều tra là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét, đề cập thêm trong phần quyết định của bản án.

[8]. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy B phạm tội: **“Tham ô tài sản”**.
2. Áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy B **03** (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 30/10/2023.

3. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xử tịch thu và tiêu hủy 01 túi xách màu đen, chất liệu bằng da, trên bề mặt có in chữ GUCCI, tình trạng đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15/3/2024 giữa Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

4. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử buộc bị cáo Nguyễn Duy B phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Thi hành án HS, DS;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Huy Viễn